

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
Trụ sở: Số 192 Cù Chính Lan, TP. Nam Định
Tel: 0228.3645718
VIMCERT 111

Số: KQ.006.25.03

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1 Đơn vị yêu cầu : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
2 Địa chỉ : Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km 10 đường 10 - xã Liên Minh – huyện Vụ Bản – Nam Định
3 Địa điểm quan trắc : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
4 Số lượng/ Loại mẫu : 01 mẫu nước thải.
5 Ký hiệu : NTC04-03/25.
6 Thời gian gửi/lấy mẫu : 13/03/2025.

Bảng: Kết quả phân tích nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 13-MT:2015 (A) C _{max}	QCVN 40:2011 (A) C _{max}	Phương pháp
			NTC 04-03/25			
01	pH	-	7,55	6-9	6-9	TCVN6492:2011
02	Nhiệt độ	°C	25,52	40	40	SMEWW2550B:2023
03	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	35	40,5	40,5	TCVN6625:2000
04	Độ màu	Pt-Co	37	40,5	50	TCVN6185C:2015
05	COD	mg/l	58	60,75	60,75	SMEWW5220C:2023
06	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21	24,3	24,3	TCVN6001-1:2021
07	Amoni (theo N)	mg/l	2,1	-	4,05	TCVN5988:1995
08	Tổng Phốtpho	mg/l	1,3	-	3,24	TCVN6202:2008
09	Tổng Nitơ	mg/l	15	-	16,2	TCVN6638:2000
10	Sunfua	mg/l	0,12	-	0,162	SMEWW 4500S ² -B&D:2023
11	Clorua	mg/l	102	-	405	TCVN6194:1996
12	Clo dư	mg/l	<0,6	0,81	0,81	TCVN6225-3:2011
13	Asen	mg/l	<0,006	-	0,0405	SMEWW 3114B:2023
14	Thủy ngân	mg/l	<0,0009	-	0,0045	TCVN7877:2008
15	Cadimi	mg/l	<0,0012	-	0,0405	SMEWW3113B:2023
16	Chì	mg/l	<0,009	-	0,081	SMEWW3113B:2023
17	Crom(III)	mg/l	<0,015	-	0,162	SMEWW3113B:2023 SMEWW3500-Cr.B:2023
18	Đồng	mg/l	0,098	-	1,62	SMEWW 3111B:2023

BM16/02 -02 

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 13-MT:2015 (A) C_{max}	QCVN 40:2011 (A) C_{max}	Phương pháp
			NTC 04-03/25			
19	Kẽm	mg/l	0,084	-	2,43	SMEWW 3111B:2023
20	Niken	mg/l	<0,09	-	0,162	SMEWW 3111B:2023
21	Mangan	mg/l	0,118	-	0,405	SMEWW3111B:2023
22	Sắt	mg/l	0,37	-	0,81	TCVN6177:1996
23	Crom(VI)	mg/l	<0,012	0,0405	0,0405	SMEWW 3500-Cr.B:2023
24	Xyanua	mg/l	<0,008	0,0567	0,0567	TCVN6181:1996
25	Tổng Phenol	mg/l	<0,003	-	0,081	TCVN6216:1996
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	<3,2	-	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
27	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	<0,13	4,05	-	TCVN6622-1:2009
28	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	2.800	-	3.000	TCVN 8775:2011

Ghi chú

NTC04-03/25	Mẫu nước thải sau hồ sinh học của KCN, điểm trước khi chảy ra mương tiêu của xã sau đó ra kênh C9-5.
QCVN13-MT:2015(B)	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.
QCVN40:2011/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
Dấu (-)	Quy chuẩn không quy định.
C_{max}	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp (hoặc nước thải công nghiệp dệt nhuộm) khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải (Áp dụng $C_{max} = C * K_q * K_f$ với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$)
KPH	Không phát hiện.

- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị với mẫu nêu trên
- Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Công nghệ Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường Nam Định.

Ngày 29 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

**PHÒNG PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG**

Đinh Thị Huyền

Đinh Thị Huyền



Nguyễn Thành Trung